

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2026.

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Tân.

Ông Thạch Na Rét.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2025, về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1987 (vắng mặt).

Số căn cước \*\*\*\*\* ngày cấp 31/3/2023.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực T, phường N, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Tăng Thành B, sinh ngày 01/01/1988 (vắng mặt).

Số căn cước \*\*\*\*\* ngày cấp 14/6/2022.

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2026 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Tăng Thành B đăng ký kết hôn ngày 14/12/1997 tại U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên hiện bà thấy giữa bà và ông B không hợp nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên bà muốn trả tự do

cho nhau, đồng thời bà với ông B không sống chung với nhau từ tháng 12/2025 đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Tăng Thành B.

Về con chung: Giữa bà với ông Tăng T Bị có 01 con chung tên Tăng Thị Mỹ Á, sinh ngày 03/12/2007 đã trưởng thành và hiện đang đi làm, đủ khả năng nuôi sống bản thân nên bà với ông B không phải chu cấp cho con. Do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà với ông B có tạo lập được một số tài sản như xe gắn máy và các tài sản phục vụ sinh hoạt trong gia đình, nhưng khi rời đi bà để lại toàn bộ. Tuy nhiên bà không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án.

- Bị đơn ông Tăng T Bị vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy, Tòa án thông báo cho ông B biết việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng ông B không có ý kiến, không đến tham gia phiên hòa giải chứng minh hôn nhân của hai người đã trầm trọng, ông B không mong muốn hàn gắn với bà H nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông B. Các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà H khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Tăng Thành B tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường U, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường N, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận

và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên giữa bà Nguyễn Thị H và ông Tăng Thành B không còn sống chung với nhau, ông Tăng Thành B đã được thông báo về việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, được triệu tập hòa giải nhưng ông Tăng Thành B không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đã cho thấy quan hệ giữa bà Nguyễn Thị H và ông Tăng Thành B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Tăng Thành B.

[3] Về con chung Tăng Thị Mỹ Á đã trên 18 tuổi, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Tăng Thành B.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.
3. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Nguyễn Thị H đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0001262 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.
4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Ngã Năm,  
thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**